

Bản án số: 120/2022/HS-PT

Ngày 27 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 143/2022/TLPT - HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Duy A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Duy A, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1992 tại phường Ấ, thành phố Ấ, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Ấ, thành phố Ấ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Dương Thị B có vợ Đỗ Thị Thanh M và có 02 con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến ngày 01/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

Trong vụ án có người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy A, sinh năm 1992, HKTT: TDP C, phường Æ, thành phố Á, tỉnh Vĩnh Phúc và anh Vũ Ngọc D, sinh năm 1993, HKTT: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc đều là công nhân làm tại bộ phận sản xuất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) E, địa chỉ: KCN Ê 3, xã G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Do biết anh D thường để điện thoại, ví tiền ở trong tủ đồ cá nhân của anh D (cạnh tủ đồ cá nhân của A) nên A nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 10 giờ ngày 27/10/2021, là thời điểm công nhân chuẩn bị nghỉ để ăn cơm trưa, A xin về nghỉ sớm, mục đích để trộm cắp tài sản trong ngăn tủ để đồ cá nhân của anh D. Sau đó A tìm, lấy được thanh sắt dài khoảng 20 cm ở gầm cầu thang tầng 1 rồi đi đến ngăn tủ để đồ cá nhân số 221 của anh D ở tầng 2, quan sát không thấy có ai, A liền dùng tay phải cầm thanh sắt cạy tai ổ khóa ngăn tủ để đồ cá nhân của anh D thì mở được khóa, kiểm tra bên trong ngăn tủ có 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, loại 64G màu xanh; 01 chiếc ví giả da màu nâu, A lấy trộm chiếc điện thoại di động và chiếc ví giả da cất giấu trên người rồi đi ra lán để xe của Công ty, lấy xe mô tô đi về nhà, trên đường về nhà A vứt bỏ thanh sắt ở ven đường Tôn Đức Thắng kéo dài. Khi về đến nhà không thấy có ai, A kiểm tra bên trong chiếc ví vừa trộm cắp được của anh D có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của anh D gồm: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Vũ Ngọc D và 01 thẻ ATM ngân hàng Vietinbank mang tên Vũ Ngọc Tuấn. A lấy 500.000 đồng trong ví tiêu xài cá nhân hết, cất giấu số giấy tờ tùy thân của D ở phòng bếp nhà A, vứt chiếc ví ở khu vực thùng rác gần nhà tắm và cất giấu chiếc điện thoại Iphone 11 Promax ở nóc tủ quần áo đặt ở hành lang tầng 2 gần phòng ngủ của A. Đến khoảng giữa tháng 11/2021 tại khu vực Khu công nghiệp B 2, huyện B, A đã bán chiếc điện thoại trộm cắp của anh D cho một nam giới không quen biết với giá tiền là 14.500.000 đồng và A đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản anh Vũ Ngọc D đã trình báo sự việc đến Cơ quan điều tra - Công an huyện B giải quyết. Qua rà soát, xác minh đến ngày 18/02/2022, Cơ quan điều tra triệu tập, làm việc với Nguyễn Duy A, tại Cơ quan điều tra, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Giấy phép lái xe hạng A1; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe

mô tô đều mang tên Vũ Ngọc D; 01 Thẻ ATM Ngân hàng Vietinbank mang tên Vũ Ngọc D để phục vụ điều tra.

Ngày 17/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B có văn bản số 196, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B định giá đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 ProMax và 01 ví giả da màu nâu A trộm cắp của anh D. Tại Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 14/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax trị giá 14.333.000 đồng; 01 chiếc ví giả da màu nâu là 23.000 đồng. Tổng trị giá là 14.356.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Duy A 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến ngày 01/8/2022.

Ngoài ra quyết định còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, bị cáo Nguyễn Duy A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy A, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận phần một kháng cáo xin hưởng án treo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm số: 108/2022 ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử; xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 27/10/2022, tại khu vực để đồ cá nhân của Công ty TNHH E ở KCN Ê 3, xã G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Duy A đã lén lút cạy, mở tủ số 221 trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax trị giá 14.333.000 đồng, 01 ví giả da trị giá 23.000 đồng và số tiền 500.000 đồng của anh Vũ Ngọc D ở thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc là công nhân làm cùng Công ty với A. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 14.856.000 đồng.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Duy A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo Nguyễn Duy A, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền bị cáo chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo 10 tháng tù là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo tù cách ly khỏi xã hội là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ mới là đơn xin xác nhận về gia đình có bố mẹ già yếu không lao động được hai con còn nhỏ hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, đơn có xác nhận của địa phương nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít

nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, việc không bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội không ảnh hưởng đến phòng chống tội phạm nên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy A.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Duy A cho Ủy ban nhân dân phường Ǻ, thành phố Ǻ, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Duy A có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Duy A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND A, A, Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Thái